

Số: 221/2026/QĐST-HNGĐ

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ vào các Điều 149, 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 214/2026/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Nguyễn Tùng L - sinh năm 1989; nơi cư trú: tổ B, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

- Chị Vũ Thị Kim L1 - sinh năm 1993; nơi cư trú: tổ A, khu H, phường H, tỉnh Quảng Ninh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng Lâm C sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H vào 22/11/2022. Việc kết hôn của chúng tôi là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tôi bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Chúng tôi đã nhiều lần nói chuyện để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không được. Hai bên gia đình đã nhiều lần hòa giải, phân tích giúp vợ chồng hàn gắn nhưng không thành công. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, vì vậy chúng tôi cùng thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Về con chung: Chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L có 01 con chung là Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/11/2022. Anh Nguyễn Tùng L và chị Vũ Thị Kim L1 thỏa thuận: chị Vũ Thị Kim L1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh Nguyễn Tùng L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

[3] Về tài sản chung: chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L thỏa thuận thống nhất: anh Nguyễn Tùng L chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Khi ly hôn, chị Vũ Thị Kim L1 là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Bảo A, sinh ngày 26/11/2022 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi);

Về mức cấp dưỡng, anh Nguyễn Tùng L cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng (hai triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2026 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung: chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: chị Vũ Thị Kim L1 và anh Nguyễn Tùng L không có khoản nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tùng L tự nguyện nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0001837 ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh và Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015316480 ngày 26 tháng 4 năm 2026 của

Công ty cổ phần T. Anh Nguyễn Tùng L đã nộp đủ tiền lệ phí giải quyết việc dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV1 – Quảng Ninh;
- VKSND T.Quảng Ninh
- Thi hành án dân sự T. Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- UBND phường Hà Tu, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu VP, HSVA.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Thủy